

**BỘ NỘI VỤ
BAN CHỈ ĐẠO ĐIỀU TRA CƠ SỞ
HÀNH CHÍNH TRUNG ƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1999 /BNV-BCĐ

Hà Nội, ngày 09 tháng 05 năm 2021

V/v tiến độ và một số nhiệm vụ trọng tâm
trong thực hiện ĐTCSHC năm 2021

Kính gửi:

- Ban Chỉ đạo Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan Trung ương (Tổ công tác Tổng điều tra kinh tế và Điều tra cơ sở hành chính năm 2021);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 1096/QĐ-BNV ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về tổ chức Điều tra cơ sở hành chính năm 2021, Quyết định số 1006/QĐ-BNV ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành Phương án Điều tra cơ sở hành chính năm 2021, Ban Chỉ đạo Điều tra cơ sở hành chính Trung ương (BCĐTU) thông báo tiến độ Điều tra cơ sở hành chính năm 2021 (ĐTCSHC) đến 30/4/2021 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐTCSHC

1. Kết quả triển khai đến ngày 30/4/2021

Đến hết ngày 30/4/2021 đã có:

- Địa phương:
 - + 63/63 BCĐ cấp tỉnh hoàn thành danh sách rà soát và đã được QTV Trung ương chuyển dữ liệu nền, tạo tài khoản để chuyển sang khai Phiếu cung cấp thông tin tại phần mềm cung cấp thông tin ĐTCSHC của Bộ Nội vụ;
 - + 27 tỉnh, TP trực thuộc TƯ hoàn thành thu thập thông tin: Nam Định, Lâm Đồng, Hải Dương, Hà Nam, Hậu Giang, Bình Phước, Ninh Thuận, Phú Yên, Lào Cai, Hà Giang, Thái Nguyên, Quảng Ngãi, Thanh Hóa, Lạng Sơn, Bến Tre, An Giang, Long An, Đắk Lắk, Hải Phòng, Yên Bái, Cao Bằng, Sơn La, Cà Mau, Hà Tĩnh, Đồng Tháp, Tuyên Quang, Bình Định. Còn 36 tỉnh chưa hoàn thành, đang tiếp tục kê khai.
- Các Bộ, cơ quan Trung ương:

+ 41/45 cơ quan hoàn thành bảng kê danh sách rà soát và chuyển sang khai Phiếu.

+ Còn 04/45 Bộ, cơ quan Trung ương chưa hoàn thành danh sách nền (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

+ Có 4 Bộ, cơ quan Trung ương hoàn thành khai phiếu (Ban Kinh tế Trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Thanh tra Chính phủ, Đảng ủy khối các doanh nghiệp Trung ương).

- Tổng số lượng phiếu cung cấp thông tin trên cả nước đã hoàn thành 23.726 phiếu/30.793 phiếu, đạt 77,05%; đang khai báo 6.393 phiếu, đạt 20,76%; còn 674 phiếu chưa khai báo, chiếm 2,19% (chưa tính các đơn vị hành chính thuộc 04 Bộ chưa hoàn thành danh sách nền).

2. Khó khăn, hạn chế

- Khối Bộ, cơ quan Trung ương còn chậm triển khai, cá biệt đến nay còn 04 Bộ chưa triển khai giai đoạn 1 (rà soát danh sách nền), một số không kịp thời cập nhật Phương án và các văn bản hướng dẫn để thực hiện, nhiều câu hỏi về Tổ thường trực đều có trong Phương án điều tra và các văn bản hướng dẫn.

- Chất lượng cung cấp thông tin của nhiều đơn vị hành chính chưa đạt yêu cầu, độ chính xác không cao, các giám sát viên phải trả phiếu làm lại nhiều lần.

- Do cuộc ĐTCSHC tiến hành đồng thời với một loạt các hoạt động quan trọng khác của đất nước như Đại hội Đảng các cấp, công tác chuẩn bị bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp nên lực lượng tham gia ĐTCSHC cùng lúc phải thực hiện nhiều nhiệm vụ; mặt khác đây là lần đầu tiên ngành Nội vụ nói chung và Bộ Nội vụ nói riêng thực hiện một cuộc điều tra thống kê quốc gia có quy mô lớn nên công tác triển khai gặp nhiều khó khăn, hạn chế, đặc biệt về mặt kỹ thuật, nghiệp vụ do ngành Nội vụ không có đội ngũ làm công tác thống kê chuyên trách.

II. MỘT SỐ CÔNG VIỆC TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt tầm quan trọng của cuộc ĐTCSHC năm 2021 tới các Ban Chỉ đạo các cấp, đối tượng cung cấp thông tin

Theo Phương án Điều tra ban hành theo Quyết định số 1006/QĐ-BNV ngày 26/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, mục đích của cuộc ĐTCSHC là:

Một là, rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chính sách quản lý, kế hoạch, quy hoạch phát triển ngành, vùng, phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực... đáp ứng yêu cầu quản lý của Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương;

Hai là, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê chính thức năm 2020 của các chuyên ngành có liên quan đến khối cơ quan hành chính (số cơ sở hành chính, số lượng, trình độ của lực lượng lao động đang làm việc trong các cơ sở hành chính; kết quả thu chi của cơ sở hành chính...);

Ba là, bổ sung số liệu cho các cuộc điều tra thống kê chọn mẫu hàng năm, tính toán chỉ tiêu GDP và GRDP, và các chỉ tiêu khác thuộc hệ thống tài khoản quốc gia của cả nước, từng địa phương;

Bốn là, cập nhật cơ sở dữ liệu và dàn mẫu tổng thể về cơ sở hành chính cho các cuộc điều tra chọn mẫu trong những năm tiếp theo của ngành Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương.

Do vậy, các địa phương, Bộ, cơ quan Trung ương phải chịu trách nhiệm về số liệu cung cấp cho BCĐTU. Số liệu để tính các chỉ tiêu của địa phương nếu bị ảnh hưởng do sai lệch số liệu thì địa phương phải hoàn toàn chịu trách nhiệm. Đặc biệt, năm 2020 được lấy làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh (Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh). LuatVietnam

2. Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, hướng dẫn và phối hợp với các BCĐ địa phương, Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện ĐTCSHC.

3. Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động ĐTCSHC, giám sát hoàn thiện các cơ sở dữ liệu ĐTCSHC năm 2021 tại Ban chỉ đạo các cấp của địa phương và các Bộ, cơ quan Trung ương.

Việc tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện ở từng cấp. Trong quá trình kiểm tra, giám sát chú trọng việc đối chiếu với hồ sơ của đơn vị sử dụng để cung cấp thông tin, cụ thể là Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động, Bảng lương các tháng năm 2020, quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền, Bảng lương tháng 1, tháng 12/2020 và các hồ sơ có liên quan. Ban chỉ đạo các cấp có thể tiến hành nghiệm thu trực tuyến nếu cơ sở hành chính cung cấp đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu để đối chiếu, xác minh số liệu.

BCĐ cấp tỉnh có văn bản chỉ đạo, yêu cầu các cơ sở hành chính cung cấp đầy đủ các hồ sơ có liên quan để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

4. Xử lý tình huống trong một số trường hợp đặc biệt

Trong trường hợp một số đơn vị hành chính có báo cáo Ban chỉ đạo các cấp về nội dung thông tin cung cấp thuộc lĩnh vực bí mật nhà nước, đề nghị Ban chỉ đạo các cấp làm rõ lĩnh vực đó có thuộc bí mật nhà nước hay không, nếu là lĩnh vực bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật thì Ban chỉ đạo cấp tỉnh đề nghị chuyển đối tượng đó sang kê khai phiếu giấy và gửi đường công văn đóng dấu mức độ “mật” gửi Ban chỉ đạo cấp tỉnh để tổng hợp gửi BCĐTU theo chế độ mật. Đơn vị cung cấp thông tin chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin cung cấp.

5. Công tác nghiệm thu

Tổ chức nghiệm thu theo từng cấp. Ban chỉ đạo cấp tỉnh chủ động tiến hành nghiệm thu Phiếu của Ban chỉ đạo cấp huyện, BCĐTU nghiệm thu theo kết quả nghiệm thu của BCĐ cấp tỉnh. Thời gian kết thúc nghiệm thu theo Phương án điều tra đã được phê duyệt.

Đối với phiếu của các Bộ, cơ quan Trung ương sẽ do BCĐTU nghiệm thu trực tiếp với Tổ công tác hoặc đầu mối phụ trách cuộc điều tra của các Bộ, cơ quan Trung ương.

Trưởng ban Ban chỉ đạo ĐTCSHCTU biểu dương các địa phương, các Bộ, cơ quan Trung ương đã hoàn thành việc khai phiếu đúng tiến độ theo Phương án điều tra. Đề nghị các địa phương, các Bộ, cơ quan Trung ương tiếp tục triển khai thực hiện cuộc ĐTCSHC bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Các đ/c thành viên Ban Chỉ đạo TW (để biết);
- Các đ/c thành viên Tổ thường trực (để biết);
- Giám sát viên TW (để biết);
- Tổng cục Thống kê (để phối hợp);
- Cục Thống kê các tỉnh, TP trực thuộc TƯ (để phối hợp);
- Văn phòng Bộ Nội vụ (để phối hợp);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



**THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Nguyễn Trọng Thừa**



Phụ lục

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CUỘC ĐIỀU TRA CƠ SỞ HÀNH CHÍNH NĂM 2021

Tính đến 0h ngày 01/5/2021

Trên cơ sở Công văn số 1999 /BNV-BCĐ ngày 09 tháng 05 năm 2021 của Ban Chỉ đạo ĐTCSHC Trung ương

STT	TÊN CƠ QUAN	THỐNG KÊ SỐ LIỆU			
		TỔNG SỐ	ĐÃ KHAI BÁO	CHƯA KHAI BÁO	HOÀN THÀNH
1	Tỉnh Cà Mau	365	0	0	365
2	Tỉnh Bạc Liêu	289	91	3	195
3	Tỉnh Sóc Trăng	433	3	1	429
4	Tỉnh Hậu Giang	328	0	0	328
5	Thành phố Cần Thơ	352	4	0	348
6	Tỉnh Kiên Giang	474	389	8	77
7	Tỉnh An Giang	491	0	0	491
8	Tỉnh Đồng Tháp	477	0	0	477
9	Tỉnh Vĩnh Long	353	33	1	319
10	Tỉnh Trà Vinh	398	201	35	162
11	Tỉnh Bến Tre	436	0	0	436
12	Tỉnh Tiền Giang	505	495	3	7
13	Tỉnh Long An	541	0	0	541
14	Thành phố Hồ Chí Minh	878	170	4	704
15	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	341	1	0	340
16	Tỉnh Đồng Nai	511	180	0	331
17	Tỉnh Bình Dương	369	195	2	172
18	Tỉnh Tây Ninh	355	20	4	331
19	Tỉnh Bình Phước	391	0	0	391
20	Tỉnh Lâm Đồng	520	0	0	520
21	Tỉnh Đắk Nông	348	324	5	19
22	Tỉnh Đắk Lắk	643	0	0	643
23	Tỉnh Gia Lai	694	28	0	666
24	Tỉnh Kon Tum	424	174	1	249
25	Tỉnh Bình Thuận	411	258	2	151
26	Tỉnh Ninh Thuận	285	0	0	285
27	Tỉnh Khánh Hòa	422	13	0	409
28	Tỉnh Phú Yên	401	0	0	401
29	Tỉnh Bình Định	491	0	0	491
30	Tỉnh Quảng Ngãi	522	0	0	522
31	Tỉnh Quảng Nam	775	548	83	144
32	Thành phố Đà Nẵng	298	73	52	173
33	Tỉnh Thừa Thiên Huế	448	212	186	50
34	Tỉnh Quảng Trị	450	317	26	107
35	Tỉnh Quảng Bình	383	10	0	373
36	Tỉnh Hà Tĩnh	450	0	0	450
37	Tỉnh Nghệ An	844	556	3	285
38	Tỉnh Thanh Hóa	1033	0	0	1033
39	Tỉnh Ninh Bình	284	239	11	34
40	Tỉnh Nam Định	539	0	0	539
41	Tỉnh Hà Nam	282	0	0	282

LuatVietnam

42	Tỉnh Thái Bình	416	234	54	128
43	Tỉnh Hưng Yên	497	30	7	460
44	Thành phố Hải Phòng	629	0	0	629
45	Tỉnh Hải Dương	398	0	0	398
46	Tỉnh Bắc Ninh	377	3	0	374
47	Tỉnh Vĩnh Phúc	454	4	0	450
48	Tỉnh Phú Thọ	628	17	0	611
49	Tỉnh Bắc Giang	509	1	0	508
50	Tỉnh Quảng Ninh	558	47	0	511
51	Tỉnh Lạng Sơn	538	0	0	538
52	Tỉnh Thái Nguyên	471	0	0	471
53	Tỉnh Hòa Bình	483	94	54	335
54	Tỉnh Yên Bái	429	0	0	429
55	Tỉnh Sơn La	554	0	0	554
56	Tỉnh Lai Châu	360	279	0	81
57	Tỉnh Điện Biên	438	203	12	223
58	Tỉnh Lào Cai	451	0	0	451
59	Tỉnh Tuyên Quang	286	0	0	286
60	Tỉnh Bắc Kạn	319	154	0	165
61	Tỉnh Cao Bằng	464	0	0	464
62	Tỉnh Hà Giang	549	0	0	549
63	Thành phố Hà Nội	1429	634	10	785
64	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước	1	1	0	0
65	Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia	1	1	0	0
66	Ban Kinh tế Trung ương	1	0	0	1
67	Văn phòng Chủ tịch nước	1	0	1	0
68	Văn phòng Quốc Hội	2	0	2	0
69	Văn phòng Chính phủ	4	4	0	0
70	Tòa án Nhân dân tối cao	4	0	4	0
71	Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao	6	6	0	0
72	Bộ Ngoại giao	4	4	0	0
73	Bộ Nội Vụ	4	3	0	1
74	Bộ Tư pháp	15	13	0	2
75	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	0
76	Bộ Tài chính	32	19	0	13
77	Bộ Công Thương	15	15	0	0
78	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	51	0	51	0
79	Bộ Giao thông vận tải	46	17	22	7
80	Bộ Xây dựng	9	9	0	0
81	Bộ Tài Nguyên và Môi trường	0	0	0	0
82	Bộ Thông tin và Truyền thông	14	1	0	13
83	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	14	13	1	0
84	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0	0	0	0
85	Bộ Khoa học và Công nghệ	0	0	0	0
86	Bộ Giáo dục và Đào tạo	6	0	6	0
87	Bộ Y tế	14	5	9	0
88	Ủy ban Dân tộc	1	1	0	0
89	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	8	0	0	8
90	Thanh tra Chính phủ	1	0	0	1

91	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	2	0	2	0
92	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	1	1	0	0
93	Kiểm toán Nhà nước	13	7	1	5
94	Văn Phòng Trung ương Đảng	4	4	0	0
95	Ban Tổ chức Trung ương	4	0	4	0
96	Ban Dân vận Trung ương	1	1	0	0
97	Ban Tuyên giáo Trung ương	1	0	0	1
98	Ban Đối ngoại Trung ương	1	1	0	0
99	Ủy ban Kiểm tra Trung ương	1	1	0	0
100	Đảng ủy Khối các Doanh nghiệp Trung ương	1	0	0	1
101	Đảng ủy Khối các cơ quan Trung ương	1	0	0	1
102	Trung ương hội Cựu chiến binh Việt Nam	1	1	0	0
103	Trung ương hội Nông dân Việt Nam	1	0	1	0
104	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam	19	15	2	2
105	Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	6	6	0	0
106	Trung ương hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	7	7	0	0
107	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc	3	2	1	0
108	Ban Nội chính Trung ương	1	1	0	0
	Cộng:	30,793	6,393	674	23,726

[LuatVietnam](#)

Phung



**anh sách thành viên Ban Chỉ đạo ĐTCSHC Trung ương và Tổ thường trực
cuộc Điều tra cơ sở hành chính năm 2021**

(Kèm theo Công văn số 1999/BNV-BCĐ ngày 09 tháng 05 năm 2021 của Bộ Nội vụ)

I. Thành viên Ban chỉ đạo Trung ương

1. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Trưởng ban;
2. Ông Nguyễn Trọng Thừa, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, Phó trưởng ban thường trực;
3. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, Ủy viên thường trực;
4. Ông Trần Đơn, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Ủy viên;
5. Ông Lương Tam Quang, Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Công an, Ủy viên;
6. Ông Lê Văn Thanh, Thứ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy viên;
7. Ông Đỗ Hoàng Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Tài chính, Ủy viên;
8. Ông Nguyễn Trung Tiến, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy viên;
9. Ông Đoàn Cường, Vụ trưởng Vụ Tiền lương, Ủy viên;
10. Ông Trương Hải Long, Vụ trưởng Vụ Công chức – Viên chức, Bộ Nội vụ, Ủy viên;
11. Ông Phan Văn Hùng, Vụ trưởng Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ, Ủy viên;
12. Ông Nguyễn Văn Lượng, Quyền Vụ trưởng Vụ Tổ chức – Biên chế, Bộ Nội vụ, Ủy viên;
13. Ông Vũ Đăng Minh, Chánh văn phòng Bộ Nội vụ, Ủy viên;
14. Ông Nguyễn Thanh Bình, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Bộ Nội vụ, Ủy viên;
15. Ông Nguyễn Mạnh Quân, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, Ủy viên kiêm Thư ký.

II. Thành viên của Tổ thường trực giúp việc cho Ban chỉ đạo Trung ương

1. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, Tổ trưởng;
2. Ông Nguyễn Mạnh Quân, Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, Tổ phó;
3. Ông Nguyễn Trung Thành, Đại tá, Phó Cục trưởng Cục Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Thành viên;

4. Ông Lê Minh Thảo, Đại tá, Phó Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ, Bộ Công an, Thành viên;

5. Ông Nguyễn Hữu Thường, Chuyên viên cao cấp, Vụ Cơ sở đảng, đảng viên, Ban Tổ chức Trung ương, Thành viên;

6. Ông Lê Ngự Bình, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Thành viên;

7. Bà Trần Thị Thái, Phó Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ, Thành viên;

8. Ông Nguyễn Đình Hùng, Chuyên viên chính, Vụ Tổ chức – Biên chế, Bộ Nội vụ, Thành viên;

9. Ông Đỗ Tài Tuyên, Chuyên viên, Vụ Công chức – Viên chức, Bộ Nội vụ, Thành viên;

10. Bà Nguyễn Thị Lệ Minh, Chuyên viên, Vụ Chính quyền địa phương, Bộ Nội vụ, Thành viên;

11. Ông Nguyễn Văn Dương, Chuyên viên chính, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thành viên;

12. Ông Hoàng Trung Thành, Trưởng phòng Kế toán tài vụ kiêm Kế toán trưởng, Văn phòng Bộ Nội vụ, Thành viên;

13. Ông Nguyễn Thanh Bình, Phó Vụ trưởng, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thành viên;

14. Ông Nguyễn Văn Tân, Chuyên viên chính, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thành viên;

15. Ông Đỗ Hoàng Anh, Chuyên viên, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, Thành viên;

16. Bà Nguyễn Thị Phương Anh, Chuyên viên, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, Thành viên;

17. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Chuyên viên, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thành viên;

18. Bà Dương Hồng Cúc, Chuyên viên, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thành viên;

19. Bà Đoàn Bích Ngọc, Chuyên viên, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Thành viên;

20. Ông Đào Lâm Tùng, Chuyên viên chính, Vụ Kế hoạch – Tài chính, Bộ Nội vụ, Thành viên.